TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - D** **TỈNH D**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2025/QĐST-DS	*D, ngày 20 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 81/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị H** – Sinh ngày: 05/5/1969; nơi cư trú: Làng A, xã B, huyện C, tỉnh D (cũ) (nay là: Làng A, xã C, tỉnh D).

Số CCCD: 052169005157; ngày cấp: 27/12/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- *Bị đơn*: Ông **Hà Q** – Sinh ngày: 02/8/1945; nơi cư trú: Thôn E, xã F, huyện G, tỉnh H (cũ) (nay là: Thôn E, xã J, tỉnh D).

Số CCCD: 052045000323; ngày cấp: 13/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị H và ông Hà Q thống nhất vào năm 2009, ông Hà Q có mượn của bà Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và lãi các bên thỏa thuận. Nay ông Hà Q và bà Nguyễn Thị H thống nhất lãi từ năm 2009 cho đến nay là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

2.2. Bà Nguyễn Thị H và ông Hà Q thống nhất cho đến hiện nay ông Hà Q còn nợ bà Nguyễn Thị H cả gốc và lãi là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

2.3. Bà Nguyễn Thị H và ông Hà Q thống nhất đến ngày 12 tháng 9 năm 2025, ông Hà Q trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu

đồng) là hết nợ.

2.4. Án phí DS-ST: Ông Hà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng ông Hà Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí ngày 04/8/2025 nên ông Hà Q được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.250.000[đ] (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005251 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh H (cũ) (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - D).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - D;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh D;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - D;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đức